TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2021
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Ông Phạm Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc Tr, sinh năm 1995; cư trú tại: tổ 18, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (đang chấp hành án tại Trại Tạm giam B - Công an tỉnh Bình Dương), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trrần Thị Ngọc Tr trình bày:

Về hôn nhân: chị Trần Thị Ngọc Tr đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Ph tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 08 tháng 01 năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 02); hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh

phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh Ph không tu chí làm ăn, nghe lời bạn bè xấu rủ rê tụ tập ăn chơi, trộm cắp. Năm 2019, anh Ph bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 23 tháng 10 năm 2019. Ngày 11 tháng 12 năm 2019, anh Ph lại bị bắt về tội Giết người và Trộm cắp tài sản. Anh Ph bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử ngày 18 và 21 tháng 5 năm 2021, mức án cho cả hai tội là 13 năm 03 tháng tù. Chị Tr rất thất vọng vì anh Ph không thay đổi tính tình, liên tục phạm tội. Hiện anh Ph đang chấp hành án tại Trại Tạm giam B, chị Tr không thăm nuôi lần nào. Do cuộc sống của chị Tr và anh Ph không còn hạnh phúc nên chị Tr yêu cầu ly hôn anh Ph.

Về nuôi con chung: chị Tr và anh Ph có một con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2014; hiện cháu K đang sống cùng chị Tr; chị Tr yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Tr xác định vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung nên chị Tr không tranh chấp.

Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Về hôn nhân: anh Ph thống nhất lời khai của chị Tr về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ph có hành vi vi phạm pháp luật bị xử phạt tù; vợ chồng ly thân và không còn tình cảm với nhau. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh Ph đồng ý.

Về nuôi con chung: thống nhất lời trình bày của chị Tr; anh Ph đồng ý giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị Tr trực tiếp nuôi, anh Ph không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: anh Ph không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Ph vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Tr và anh Ph là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Ph không tu chí làm ăn, tụ tập bạn bè xấu, vi phạm pháp luật hình sự và bị phạt tù; năm 2019 vừa chấp hành xong hình phạt tù thì tiếp tục phạm tội. Theo Biên bản xác minh ngày 07 tháng 6 năm 2021 do Tòa án lập về tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh Ph (bút lục số 48), anh Ph nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, phải chấp hành hình phạt tù. Xét thấy, chị Tr và anh Ph sau khi kết hôn anh Ph nhiều lần phạm tội, hiện phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài nên anh Ph đã không cùng chị Tr xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, không cùng chị Tr thực hiện nghĩa vụ của người cha là chăm lo, giáo dục, làm gương cho con; làm vợ chồng xa cách, tình cảm lợt lạt; chị Tr và anh Ph cũng thừa nhận không còn thương yêu nhau, nghĩa là anh chị không còn giữ đúng tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hiện chị Tr vẫn còn rất trẻ, không muốn tiếp tục chung sống với anh Ph nên chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Ph là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Ph đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

Xét hôn nhân của chị Tr và anh Ph đã đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, quyết định cho chị Tr và anh Ph ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị Tr và anh Ph có một con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2014; chị Tr yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con; anh Ph đồng ý.

Xét yêu cầu của chị Tr về nuôi con chung là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Ph có trách nhiệm giao cháu K cho chị Tr trực tiếp nuôi. Chị Tr không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: chị Tr và anh Ph không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trrần Thị Ngọc Tr đối với anh Nguyễn Văn Ph về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trrần Thị Ngọc Tr đối với anh Nguyễn Văn Ph.

Về nuôi con chung:

Anh Nguyễn Văn Ph có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2014 cho chị Trần Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi, chị Trần Thị Ngọc Tr không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ph cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản, nợ chung: chị Trần Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Văn Ph không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Ngọc Tr đã nộp theo biên lai số AA/2016/0039313 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Chị Trần Thị Ngọc Tr đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã H, huyện B;
(Giấy CNKH số 02 ngày 08/01/2015);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim Xuyến